TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **11**/2017/DS-ST Ngày: 08/8/2017 *V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Sơn Hà;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và ông Nguyễn Việt Chiến

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Ngày 08/8/2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2016/TLST-DS ngày 01/12/2016 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐST-DS ngày 14/6/2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2017/QĐST-HPT ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1957***

Địa chỉ: Nhà N, khu đô thị M, phường L, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty luật TNHH H – người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc C, sinh năm 1983, địa chỉ: tòa nhà A đường B, quận C, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 405/HĐUQ-HPLAW ngày 04/02/2017). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: ***Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1957.***

Địa chỉ: Nhà B khu đô thị T, phường M, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc C trình bày:

Ngày 16/6/2014, theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HDVV thì Công ty cổ phần đầu tư và thương mại T (do bà Vũ Thị Thu H làm đại diện) đã vay của ông Nguyễn Mạnh C 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ

đồng). Thời gian vay là 03 tháng. Hiện nay bà H xác nhận khoản vay trên là vay cá nhân.

Ngày 17/6/2014, ông Nguyễn Mạnh C đã chuyển khoản vay trên vào tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Giấy nộp tiền số 0075 tại ngân hàng BIDV ngày 17/6/2014).

Ngày 24/6/2014, bà Vũ Thị Thu H tiếp tục vay của ông Nguyễn Mạnh C số tiền là 600.000.000 đồng. Ông C đã chuyển 600.000.000 đồng vào tài khoản của bà H (Giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietinbank ngày 24/6/2014).

Ngày 04/7/2014, bà Vũ Thị Thu H tiếp tục vay của ông Nguyễn Mạnh C số tiền là 210.000.000 đồng. Ông C đã chuyển số tiền 210.000.000 đồng vào tài khoản của bà H (Giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietinbank ngày 04/7/2014).

Ngày 15/7/2014, bà Vũ Thị Thu H tiếp tục vay của ông Nguyễn Mạnh C số tiền là 190.000.000 đồng. Ông C đã chuyển số tiền 190.000.000 đồng vào tài khoản của bà Bà H(Giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietinbank ngày 15/7/2014).

Ngày 08/9/2014, bà Vũ Thị Thu H lại vay nóng (hẹn 01 tuần trả) của Công ty TNHH N là 50.000.000 đồng. Công ty đã chuyển tiền mặt cho bà Hà theo phiếu chi ngày 08/9/2014. Số tiền này bà H đã trả qua nhân viên công ty ngày 08/10/2014.

Tại biên bản xác nhận vay tiền đề ngày 15/9/2014, bà Vũ Thị Thu H đã xác nhận vay số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) nêu trên là hoàn toàn đúng.

Theo đó, ngày 25/01/2015 bà Vũ Thị Thu H cũng đã viết giấy xác nhận đã vay khoản tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và cam kết đến ngày 30/3/2015 trả cho ông Nguyễn Mạnh C 1.500.000.000 đồng và đến ngày 30/5/2015 trả nốt 1.500.000.000 đồng.

Tuy nhiên cho đến nay bà không thanh toán được cho ông Nguyễn Mạnh C theo giấy xác nhận nợ ngày 25/01/2015.

Vì thế, ông Nguyễn Mạnh C đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bà Vũ Thị Thu H:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán toàn bộ khoản tiền vay bao gồm nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2015 theo lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước

quy định cho đến ngày xét xử.

Bị đơn Bà Vũ Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa và trong bản tự khai ngày 12/4/2017 bà H trình bày:

Bà Tống Thị L là người đại diện của Công ty N có mỏ sắt tại Nghệ An. Bà H và ông C cũng có hùn tiền mua quặng sắt của Bà L. Ông C đã chuyển cho bà H 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và được sự đồng ý của ông C, bà H đã chuyển toàn bộ số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) cho bà L. Còn biên bản xác nhận vay tiền ngày 15/9/2014 bà H ký vào do bà H chịu trách nhiệm đối với bạn bè vì bà H với ông C học cùng đại học với nhau. Thực chất bà H không sử dụng một đồng nào từ số tiền này của ông C. Do đó, bà H không nhất trí về yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị bị đơn phải trả toàn bộ khoản tiền vay bao gồm nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2015 theo lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Vũ Thị Thu H được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 14/6/2017, Tòa ra ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 14/7/2017 Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Vũ Thị Thu H được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn .

Về nội dung vụ án:

Ngày 16/6/2014, theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HDVV thì Công ty cổ phần đầu tư và thương mại T (do bà Vũ Thị Thu H làm đại diện) đã vay của ông Nguyễn Mạnh C 2.000.000.000 đồng, thời gian

vay là 03 tháng (bà H xác nhận khoản vay trên là vay cá nhân). Ngày 17/6/2014, ông Nguyễn Mạnh C đã chuyển khoản vay trên vào tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại T số tiền là 2.000.000.000 đồng (Giấy nộp tiền số 0075 tại ngân hàng BIDV ngày 17/6/2014). Ngày 24/6/2014, bà Vũ Thị Thu H tiếp tục vay của ông Nguyễn Mạnh C số tiền là 600.000.000 đồng. Ông C đã chuyển 600.000.000 đồng vào tài khoản của bà H (Giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietinbank ngày 24/6/2014). Ngày 04/7/2014, bà Vũ Thị Thu H tiếp tục vay của ông Nguyễn Mạnh C số tiền là 210.000.000 đồng. Ông C đã chuyển số tiền 210.000.000 đồng vào tài khoản của bà H (Giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietinbank ngày 04/7/2014). Ngày 15/7/2014, bà Vũ Thị Thu H tiếp tục vay của ông Nguyễn Mạnh C số tiền là 190.000.000 đồng. Ông C đã chuyển số tiền 190.000.000 đồng vào tài khoản của bà Hà (Giấy nộp tiền tại ngân hàng Vietinbank ngày 15/7/2014). Tại biên bản xác nhận vay tiền đề ngày 15/9/2014, bà Vũ Thị Thu H đã xác nhận vay số tiền 3.000.000.000 đồng nêu trên là hoàn toàn đúng. Theo đó, ngày 25/01/2015 bà Vũ Thị Thu H cũng đã viết giấy xác nhận đã vay khoản tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và cam kết đến ngày 30/3/2015 trả cho ông Nguyễn Mạnh C 1.500.000.000 đồng và đến ngày 30/5/2015 trả nốt 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên cho đến nay bà H vẫn không thanh toán cho ông Nguyễn Mạnh C theo cam kết trên.

Xét yêu cầu thanh toán số tiền gốc 3.000.000.000 đồng của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy lời khai của các bên đương sự và Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HDVV ngày 16 tháng 6 năm 2014, các giấy nộp tiền tại ngân hàng và biên bản xác nhận vay tiền ngày 15 tháng 9 năm 2015 cùng các tài liệu chứng cứ thể hiện ông Nguyễn Mạnh C đã cho bà Vũ Thị Thu H vay tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng tiền gốc. Xét thấy Hợp đồng vay vốn được ký giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, do đó yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 3.000.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2015 theo lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định cho đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với pháp luật do đó cần chấp nhận. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010

của thống đốc Ngân hàng Nhà nước "*Quyết định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng việt nam*" quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, mặt khác, do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán vì thế cần buộc bà H chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Cụ thể: 9%/năm x 150% = 13,5%/năm. Cụ thể 3.000.000.000 x 13,5%/năm x 2 năm 2 tháng 8 ngày = 882.560.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Vũ Thị Thu H phải thành toán cho ông Nguyễn Mạnh C là 3.882.560.000 đồng (Bao gồm 3.000.000.000 đồng nợ gốc, 882.560.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 30/5/2015 theo lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định cho đến ngày xét xử)

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Điều 471, Điều 473, 474, 476,478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh C đối với bà Vũ Thị Thu H. Buộc bà Vũ Thị Thu H phải thanh toán cho ông Nguyễn Mạnh C số tiền gốc 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/5/2015 theo lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước cho đến ngày xét xử: 3.000.000.000 x 13,5%/năm x 2 năm 2 tháng 8 ngày =882.560.000 đồng. Tổng số tiền bà H phải thanh toán cho ông C là **3.882.560.000 đồng** *(Ba tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Mạnh C số tiền **50.600.000 đồng** *(Năm mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 6703 ngày 23/11/2016 của Chi cục thi hành án quận Nam Từ Liêm.

Buộc bà Vũ Thị Thu H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm **109.651.200 đồng** *(Một trăm linh chín triệu, sáu trăm năm mốt nghìn, hai trăm đồng).*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

T/M héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm

Thâm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS quận Nam Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án quận Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Sơn Hà